

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NĂM HỌC 2018 - 2019**

Tên học phần: Dược lý 2

Mã học phần: 000457

1. Thông tin về học phần

Lý thuyết: 3 chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Thực hành: 1 chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian: Học kỳ 7

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	45	0	30	0	45 + 30 + 90 = 165

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa dược, Hóa sinh, Sinh lý bệnh miễn dịch, Bệnh học

Học phần học song hành:

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Dược lý - Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1. Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc.

MT2. Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị.

MT3. Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị.

*** Về kỹ năng**

MT4. Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng. Cập nhật thường xuyên các kiến thức mới về nhóm thuốc kháng sinh nói riêng và vi sinh vật nói chung trong thời đại mới.

MT5. Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.

MT6. Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra.

MT7. Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000456	Dược lý 2	1	2	2	1	1	3	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		1	3	3	1	1	3	0
		PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	PO20	PO21
		1	1	2	2	2	3	3

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan để hiểu cũng như giải thích được cơ chế phát huy tác dụng điều trị và gây ra tác dụng có hại của thuốc	PO2, PO3, PO4
MT2	CO2	Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị	PO4, PO6
MT3	CO3	Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả những hoạt chất có thể được sử dụng để điều trị được một tình trạng bệnh lý tương ứng. Cập nhật	PO9, PO10, PO13

		thường xuyên các kiến thức mới về nhóm thuốc kháng sinh nói riêng và vi sinh vật nói chung trong thời đại mới.	
MT5	CO5	Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của hoạt chất điều trị ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.	PO8, PO9, PO10, PO13
MT6	CO6	Chủ động đề phòng và đề xuất các phương pháp để phát hiện biến cố có thể xảy ra trong quá trình điều trị dựa trên những cơ chế phát huy tác dụng điều trị cũng như cơ chế gây hại có thể xảy ra	PO10, PO13
MT7	CO7	Nắm vững nguyên tắc sử dụng thuốc cũng như cập nhật kiến thức nhằm tìm ra nhiều cách nhằm nâng cao khả năng tư vấn thuyết phục người dùng tuân thủ điều trị	PO10, PO13, PO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc sử dụng thuốc nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc	PO17, PO18, PO19, PO20

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần dược lý 2 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ chế gây ra tác dụng dược lý của một số nhóm hoạt chất tác dụng trên các vi sinh vật (Kháng sinh, kháng nấm, kháng virus, kháng kí sinh trùng), thuốc điều trị các vấn đề trên tim mạch, rối loạn hô hấp, rối loạn tiêu hóa. Đây cũng là học phần nền tảng cho các học phần tiếp theo (Dược động học; Dược lâm sàng 1,2,3; Chăm sóc dược) nhằm góp phần hoàn thiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tối ưu hóa hiệu quả điều trị và giảm thiểu sự xuất hiện các biến cố cũng như sai sót trong quá trình điều trị.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo bám sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra của từng bài.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Bên cạnh đó tạo điều kiện cho sinh viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	tìm hiểu kiến thức mới bằng các bài tiểu luận được giao ngẫu nhiên.	
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, nghe giảng.
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nội qui cho sinh viên trong giờ giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, trả lời các câu hỏi của giảng viên tại lớp.
- Phản hồi ý kiến sau mỗi buổi học để giảng viên khắc phục về sau
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo do giảng viên hướng dẫn giới thiệu. Hoàn thành các bài báo cáo theo đúng yêu cầu của giảng viên đứng lớp.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO4, CO5, CO6	10
2	Thường xuyên	30	* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức từ đầu thời gian học đến thời điểm hiện tại để giải thích các tình huống do giảng viên đặt ra trong kiểm tra. - Một bài kiểm tra đánh giá bao gồm hai phần: câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tình huống. * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

			trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nhằm xem xét khả năng phân tích và ứng dụng của sinh viên. - Bài báo cáo tiểu luận sẽ được phân chia ngẫu nhiên. Mỗi sinh viên đều phải hoàn thành quyển tiểu luận và thỏa mãn yêu cầu giảng viên đặt ra để đủ điều kiện dự thi đánh giá kết thúc học phần.		
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi trắc nghiệm khách quan. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bài giảng Dược lý 1 – Bài giảng nội bộ, Bộ môn Dược lý - Dược lâm sàng, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ năm 2018.

[2]. Bài giảng Dược lý 2 – Thực hành, Bài giảng nội bộ, Bộ môn Bào chế - Dược lý – Dược lâm sàng, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Bộ Y tế (2018), Dược thư Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

Ngoài ra, sinh viên có thể tham khảo thêm một số tài liệu tham khảo:

[4]. Đào Văn Phan (2012), Dược lý học lâm sàng (2012), Trường ĐH Y Hà Nội, NXB Y học, Hà Nội.

[5]. Trần Thị Thu Hằng (2013), Dược lực học, NXB Phương Đông, Đà Nẵng.

[6]. Hoàng Thị Kim Huyền (2014), Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, Tập 1 và 2, Trường ĐH Dược Hà Nội - ĐH Groningen, Hà Lan, NXB Y học, Hà Nội.

[7]. Hoàng Thị Kim Huyền (2015), Hóa dược - Dược lý, NXB Y học, Hà Nội.

[8]. Mai Hoàng Mai (2015), Dược động học Đại cương, NXB Y học, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý thuyết

Nội dung	Tiết	Tài liệu	CĐR của HP
----------	------	----------	------------

<p>Chương 1.</p> <p>Bài 1. Đại cương kháng sinh (1)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa về kháng sinh 2. Phân loại các vi khuẩn phổ biến 3. Cơ chế tác dụng của kháng sinh 4. Cơ chế đề kháng của vi khuẩn 5. Một số nguyên tắc sử dụng kháng sinh <p>Bài 2. Kháng sinh nhóm beta lactam (2)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân loại các phân nhóm chính 2. Cơ chế tác dụng và cơ chế đề kháng β lactam 3. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng 4. Một số nguyên tắc cụ thể khi điều trị với β lactam <p>Bài 3. Kháng sinh các nhóm nhóm còn lại (3)</p> <p>Cấu trúc bài học tương tự nhóm β lactam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kháng sinh aminosid 2. Kháng quinolon 3. Kháng sinh macrolid 4. Kháng sinh sulfamid 5. Kháng sinh glycopeptid (SV tự tham khảo) 6. Kháng sinh polymyxin (SV tự tham khảo) <p>Bài 4. Thuốc điều trị lao - phong (1)</p> <p>1. Thuốc điều trị lao</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Khái quát về bệnh sinh và tình hình dịch tễ 1.2. Phân loại thuốc điều trị lao 1.3. Cơ chế tác dụng dược lí 1.4. Một số nguyên tắc ứng dụng trong điều trị <p>2. Thuốc điều trị phong</p> <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Khái quát về bệnh phong 2.2. Phân loại thuốc điều trị 2.3. Cơ chế tác dụng dược lí 2.4. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng <p>Bài 5. Thuốc điều trị sốt rét (2)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái quát về bệnh sinh và tình hình dịch tễ 2. Phân loại thuốc điều trị 3. Cơ chế tác dụng dược lí 4. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng <p>Bài 6. Thuốc điều trị kí sinh trùng (ly, amip) (1)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân loại kí sinh trùng 2. Cơ chế tác dụng dược lí 3. Ứng dụng trong điều trị <p>Bài 7. Thuốc kháng nấm (2)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại cương về bệnh lý nấm ngoài da và toàn thân 2. Tình hình dịch tễ một số loại nấm 3. Phân loại thuốc kháng nấm 4. Cơ chế tác dụng dược lí 5. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng 	15	[1][3][4][5][6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
--	----	-----------------------	------------------------------

<p>6. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p>Bài 8. Thuốc điều trị virus (3)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thuốc điều trị virus HIV 1.1. Khái quát bệnh lý suy giảm miễn dịch 1.2. Khái quát về virus HIV 1.3. Cơ chế tác dụng dược lí 1.4. Phân loại các nhóm thuốc điều trị 1.5. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng 1.6. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra 2. Thuốc điều trị virus Herpes 2.1. Khái quát về nhóm virus Herpes 2.2. Phân loại các nhóm thuốc 2.3. Cơ chế tác dụng dược lí 2.4. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng 2.5. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra 3. Thuốc điều trị virus viêm gan B 3.1. Đại cương về bệnh lý viêm gan và viêm gan B 3.2. Tình hình dịch tễ 3.3. Phân loại các thuốc điều trị 3.4. Cơ chế tác dụng dược lí 3.5. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng 3.6. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra 			
<p>Chương 2.</p> <p>Bài 9. Thuốc kháng histamin H1 (1)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tác dụng sinh lý của histamin 2. Cơ chế tác dụng dược lí của thuốc kháng histamin 3. Phân loại 4. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng 5. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra <p>Bài 10. Thuốc trị ho - long đàm (2)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các nguyên nhân gây ho 2. Nguyên tắc điều trị 3. Phân loại thuốc điều trị 4. Cơ chế tác dụng dược lí 5. Ứng dụng điều trị lâm sàng <p>Bài 11. Thuốc điều trị hen suyễn - COPD (3)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ chế bệnh sinh 2. Chiến lược và mục tiêu điều trị 3. Phân loại thuốc điều trị 4. Cơ chế tác dụng dược lí 5. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng 6. Một số nguyên tắc trong sử dụng thuốc 7. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra 	6	[1][3][4][5][6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

<p>Chương 3. Bài 12. Thuốc điều trị loét dạ dày - tá tràng (3) 1. Cơ chế bệnh sinh 2. Sơ lược về vi khuẩn Hp 3. Chiến lược và phân loại thuốc điều trị dựa theo nguyên nhân gây bệnh 4. Một số phác đồ điều trị loét do Hp 5. Một số nguyên tắc trong điều trị Bài 13. Thuốc điều trị tiêu chảy (2) 1. Cơ chế bệnh sinh gây tiêu chảy 2. Nguyên nhân và nguyên tắc điều trị 3. Phân loại thuốc điều trị Bài 14. Thuốc điều trị táo bón, nhuận tràng (1) 1. Phân loại 2. Cơ chế tác dụng dược lí 3. Ứng dụng trong điều trị</p>	6	[1][3][4][5][6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
<p>Chương 4. Bài 15. Thuốc điều trị tăng huyết áp (6) 1. Định nghĩa tăng huyết áp 2. Chẩn đoán và chiến lược điều trị 3. Phân loại thuốc điều trị 4. Cơ chế tác dụng dược lí 5. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị 6. Một số nguyên tắc trong sử dụng thuốc hạ áp 7. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra Bài 16. Thuốc điều trị rối loạn lipid (3) 1. Vai trò của điều trị rối loạn lipid 2. Phân loại thuốc điều trị 3. Cơ chế tác dụng dược lí 4. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng 5. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra Bài 17. Thuốc tác động lên quá trình đông máu (3) 1. Cơ chế đông máu 2. Phân loại thuốc dựa theo cơ chế đông máu 3. Cơ chế tác dụng dược lí 4. Ứng dụng trong lâm sàng điều trị 5. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra Bài 18. Thuốc điều trị thiếu máu cục bộ (3) 1. Khái quát về bệnh mạch vành 2. Khái quát về đột quy</p>	18	[1][3][4][5][6][7][8]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

<p>3. Thuốc điều trị đau thắt ngực</p> <p>3.1. Phân loại</p> <p>3.2. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>3.3. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng</p> <p>3.4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p>4. Thuốc điều trị nhồi máu cơ tim</p> <p>4.1. Phân loại</p> <p>4.2. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>4.3. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng</p> <p>4.4. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p> <p>Bài 19. Thuốc điều trị suy tim (3)</p> <p>1. Cơ chế bệnh sinh</p> <p>2. Chiến lược điều trị</p> <p>3. Phân loại thuốc</p> <p>4. Cơ chế tác dụng dược lí</p> <p>5. Ứng dụng trong điều trị lâm sàng</p> <p>6. Xử lý và phòng tránh ADR do thuốc gây ra</p>			
Tổng số tiết	45		

11.2. Thực hành

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Nhận dạng các thuốc kháng sinh	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
2	Nhận dạng các thuốc hô hấp (Ho - Hen - Kháng Histamin H1)	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
3	Nhận dạng các thuốc điều trị tăng huyết áp	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
4	Nhận dạng các thuốc tiêu hóa (Loét dạ dày - tá tràng, Táo bón, Tiêu chảy)	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
5	Nhận dạng các thuốc điều trị suy tim - bệnh mạch vành	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4
6	Nhận dạng các thuốc điều trị rối loạn lipid máu - huyết khối	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.
- Phòng học có các dạng thuốc thuốc dùng trong điều trị các loại bệnh lý đã học

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đã ký

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đã ký

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đã ký